

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 36

1789-C
CÔNG TY
HỖNH
H & TỬ V
VIỆT NAM
PHỔ C

M.S
T.P. TH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05/01/2022)
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05/01/2022)
Bà Nguyễn Thanh Dung	Thành viên
Ông Võ Thanh Lâm	Thành viên độc lập

Danh sách các thành viên Ủy ban kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Thanh Lâm	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05/01/2022)
Bà Nguyễn Thanh Dung	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Dung
Phó Tổng Giám đốc

(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT
ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023



RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 484/2023/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2023 từ trang 5 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
AUDIT | TAX | CONSULTING

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1875-2023-026-1



Phan Hoài Nam
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3527-2021-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		280.958.331.433	462.716.090.518
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	693.468.109	3.267.351.984
1. Tiền	111		693.468.109	3.267.351.984
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.494.402.622	297.037.444.824
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	46.579.440.886	176.634.607.074
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.445.703.805	1.435.139.472
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	36.820.775.470	132.905.043.798
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(14.351.517.539)	(13.937.345.520)
III. Hàng tồn kho	140	4.6	201.876.512.029	154.047.507.262
1. Hàng tồn kho	141		201.876.512.029	154.047.507.262
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.893.948.673	8.363.786.448
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		32.107.497	12.969.162
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.861.481.176	8.350.166.426
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	360.000	650.860
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		708.592.040.488	888.418.303.359
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	32.986.713.801
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	32.986.713.801
II. Tài sản cố định	220		21.960.729.046	22.719.067.811
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	15.402.374.303	2.321.817.320
Nguyên giá	222		65.710.767.628	41.220.203.774
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.308.393.325)	(38.898.386.454)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	13.553.202.040
Nguyên giá	225		-	21.303.694.147
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(7.750.492.107)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	6.558.354.743	6.844.048.451
Nguyên giá	228		11.815.527.730	11.815.527.730
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.257.172.987)	(4.971.479.279)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.433.612.504	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.433.612.504	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	648.627.956.727	795.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		804.194.000.000	804.194.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(155.566.043.273)	(9.194.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		36.569.742.211	37.712.521.747
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	36.569.742.211	37.712.521.747
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		989.550.371.921	1.351.134.393.877

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		51.888.912.879	285.735.134.149
I. Nợ ngắn hạn	310		51.888.912.879	285.735.134.149
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	19.195.484.308	117.787.539.630
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	11.570.501.280	4.049.728.437
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	148.114.805	141.297.715
4. Phải trả người lao động	314		919.763.066	254.631.130
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.557.406.942	2.844.254.942
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	6.353.089.581	140.844.956.087
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	9.347.173.311
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.144.552.897	10.465.552.897
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		937.661.459.042	1.065.399.259.728
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	937.661.459.042	1.065.399.259.728
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		614.356.040.000	614.356.040.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		614.356.040.000	614.356.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		166.825.342.471	166.825.342.471
3. Cổ phiếu quỹ	415		(14.481.143.515)	(14.481.143.515)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		49.202.852.835	49.202.852.835
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.506.769.934	2.584.769.934
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		119.251.597.317	246.911.398.003
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		246.911.398.003	201.533.555.979
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(127.659.800.686)	45.377.842.024
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		989.550.371.921	1.351.134.393.877

Phê duyệt



Người lập

Nguyễn Thanh Dung**Phó Tổng Giám đốc**

(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Lê Ngọc Khang**Người lập kiêm Kế toán trưởng**

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	100.046.292.240	392.792.125.422
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		100.046.292.240	392.792.125.422
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	72.970.501.663	366.648.042.313
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.075.790.577	26.144.083.109
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		314.243.784	326.188.718
6. Chi phí tài chính	22	5.3	146.920.621.469	(24.393.333.172)
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		326.217.585	1.661.382.527
7. Chi phí bán hàng	25	5.4	1.220.897.357	578.297.267
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	4.965.502.145	1.818.730.040
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(125.716.986.610)	48.466.577.692
10. Thu nhập khác	31	5.6	1.425.009.065	2.096.988.514
11. Chi phí khác	32	5.7	3.367.823.141	1.289.201.526
12. Lợi nhuận khác	40		(1.942.814.076)	807.786.988
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(127.659.800.686)	49.274.364.680
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(127.659.800.686)	49.274.364.680



Người lập

Nguyễn Thanh Dung
Phó Tổng Giám đốc

(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT
ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Lê Ngọc Khang

Người lập kiêm Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(127.659.800.686)	49.274.364.680
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	4.522.399.381	4.726.018.045
Các khoản dự phòng	03		146.786.215.292	(26.833.084.744)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(274.469.628)	49.022.270
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(45.689.984)	(366.086.394)
Chi phí lãi vay	06	5.3	326.217.585	1.661.382.527
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		23.654.871.960	28.511.616.384
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		259.604.269.234	(104.498.406.682)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(47.850.098.307)	192.442.443.731
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(224.433.500.371)	(39.274.051.904)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.123.641.201	1.369.112.104
Tiền lãi vay đã trả	14		(326.217.585)	(1.661.382.527)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(399.000.000)	(132.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.373.966.132	76.757.131.106
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.166.553.739)	(9.378.570)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		45.454.545	854.545.455
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		235.439	5.092.835
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.120.863.755)	850.259.720

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	6	(360.489.904)	(67.913.165.999)
2. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(7.996.709.248)	(6.838.423.197)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.357.199.152)	(74.751.589.196)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(3.104.096.775)	2.855.801.630
(50 = 20+30+40)				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.267.351.984	290.175.509
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		530.212.900	121.374.845
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	4.1	693.468.109	3.267.351.984
(70 = 50+60+61)				

Phê duyệt



Người lập


Nguyễn Thanh Dung**Phó Tổng Giám đốc**

(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Lê Ngọc Khang**Người lập kiêm Kế toán trưởng**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700381282 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 21 tháng 03 năm 2022 để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã chứng khoán là DTL theo Giấy phép Niêm yết do SGDCKHCM cấp ngày 28 tháng 05 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 77 (31/12/2021: 1).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thép lá cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm-kẽm, mạ màu, ống thép, xà gồ thép và kinh doanh thép cán nóng, thép tấm, thép hình, thép xây dựng; sản xuất điện mặt trời; truyền tải và phân phối điện.

1.4. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Ngành bất động sản và xây dựng gặp nhiều khó khăn làm cho sản lượng tiêu thụ của Công ty trong năm 2022 giảm 81% so với năm trước, đưa đến kết quả là doanh thu năm 2022 giảm so với năm trước là 74%.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, Lô A, Đường 22, KCN Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	100%	100%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2022 gồm:

Tên	Địa chỉ	
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Long Mỹ	Số 79A Trần Hưng Đạo, khu vực Bình Thạnh B, phường Bình Thạnh, TX. Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	Đang tạm ngừng hoạt động đến 31/12/2022
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Vị Thanh	295 Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	Đang thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Bà Rịa	19 Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam.	Đang hoạt động
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Đà Nẵng	Thôn Giáng Nam 2, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	Đang hoạt động

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, đối với các khoản đầu tư vào công ty con, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ: Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang: Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 20 năm
▪ Máy móc thiết bị	4 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là từ 39 đến 42 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Thuê tài sản

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê là 43 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 tháng đến 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); chi phí quảng cáo sản phẩm, chi phí vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

3.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp chịu thuế suất 0% đối với hàng xuất khẩu và 10% đối với hàng bán trong nước.

Theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	357.105.673	29.743.352
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	336.362.436	3.237.608.632
Cộng	693.468.109	3.267.351.984

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con:				
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	795.000.000.000	-	795.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	9.194.000.000	-	9.194.000.000	(9.194.000.000)
Cộng	804.194.000.000	(155.566.043.273)	804.194.000.000	(9.194.000.000)

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc và Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	1.482.020.928	148.698.234.534
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Tôn Thép Sài Gòn	22.701.418.542	-
PT Blue Steel Industries	8.406.314.067	8.406.314.067
Khách hàng khác (*)	13.989.687.349	19.530.058.473
Cộng	<u>46.579.440.886</u>	<u>176.634.607.074</u>

(*) Tại ngày 31/12/2022, mỗi khoản phải thu khách hàng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	24.257.899.580	(948.102.080)	129.554.480.201	(948.102.080)
Phải thu khác (*)	12.562.875.890	(1.147.955.939)	3.350.563.597	(1.147.955.939)
Cộng	<u>36.820.775.470</u>	<u>(2.096.058.019)</u>	<u>132.905.043.798</u>	<u>(2.096.058.019)</u>

(*) Tại ngày 31/12/2022, mỗi khoản phải thu khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn khác.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	23.093.007.151	8.741.489.612	22.902.285.497	8.964.939.977

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND			Tại ngày 01/01/2022 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
PT Blue Steel Industries	8.406.314.067	8.406.314.067	Trên 03 năm	8.406.314.067	8.406.314.067	Trên 03 năm
Công ty TNHH SX TM Tôn Tân Thành	2.896.315.858	-	Trên 03 năm	2.896.315.858	-	Trên 03 năm
Các khách hàng khác	11.790.377.226	335.175.545	Từ 1 đến trên 3 năm	11.599.655.572	558.625.910	Từ 1 đến trên 3 năm
Cộng	23.093.007.151	8.741.489.612		22.902.285.497	8.964.939.977	

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	600.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.349.385.388	-	10.235.202.845	-
Công cụ, dụng cụ	1.123.522.423	-	1.135.711.298	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.019.390.605	-	869.302.704	-
Thành phẩm	21.377.371.578	-	35.149.582.707	-
Hàng hóa	174.006.842.035	-	106.657.107.708	-
Cộng	201.876.512.029	-	154.047.507.262	-

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2022	17.931.484.465	17.895.044.880	4.981.641.451	412.032.978	41.220.203.774
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	20.551.447.418	-	-
Mua trong năm	4.516.307.345	-	-	-	4.516.307.345
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(577.190.909)	-	(577.190.909)
Tại ngày 31/12/2022	22.447.791.810	17.895.044.880	24.955.897.960	412.032.978	65.710.767.628
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2022	16.068.706.699	17.895.044.880	4.522.601.897	412.032.978	38.898.386.454
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	8.023.109.844	-	8.023.109.844
Khấu hao trong năm	989.982.903	-	2.974.105.033	-	3.964.087.936
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(577.190.909)	-	(577.190.909)
Tại ngày 31/12/2022	17.058.689.602	17.895.044.880	14.942.625.865	412.032.978	50.308.393.325
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2022	1.862.777.766	-	459.039.554	-	2.321.817.320
Tại ngày 31/12/2022	5.389.102.208	-	10.013.272.095	-	15.402.374.303

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 156.339.465 VND đã được dùng để bảo lãnh, thế chấp cho các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc – Xem thêm Mục 7.
Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 45.453.846.012 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	11.240.727.730	574.800.000	11.815.527.730
Tại ngày 31/12/2022	11.240.727.730	574.800.000	11.815.527.730
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2022	4.396.679.279	574.800.000	4.971.479.279
Khấu hao trong năm	285.693.708	-	285.693.708
Tại ngày 31/12/2022	4.682.372.987	574.800.000	5.257.172.987
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	6.844.048.451	-	6.844.048.451
Tại ngày 31/12/2022	6.558.354.743	-	6.558.354.743

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 574.800.000 VND.

4.9. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền thuê đất trả trước	36.569.742.211	37.712.521.747

Tiền thuê đất trả trước là tiền thuê đất tại Khu Công Nghiệp Sóng Thần III theo các hợp đồng thuê đất để xây dựng nhà máy với thời hạn thuê đến năm 2055.

Giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của quyền sử dụng đất thuê đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc là 36.569.742.211 VND – Xem thêm Mục 7.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	6.842.124.841	6.842.124.841	107.257.977.165	107.257.977.165
Phải trả cho người bán:				
Shenzhen One Touch Business	8.267.292.713	8.267.292.713	8.011.549.441	8.011.549.441
Các nhà cung cấp khác	4.086.066.754	4.086.066.754	2.518.013.024	2.518.013.024
Cộng	<u>19.195.484.308</u>	<u>19.195.484.308</u>	<u>117.787.539.630</u>	<u>117.787.539.630</u>

4.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
	Souvanhthong Trading Export Import Sole Co., Ltd	-
Nguyễn Kế An	5.000.000.000	-
Các khách hàng khác	6.570.501.280	1.367.931.209
Cộng	<u>11.570.501.280</u>	<u>4.049.728.437</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2022		Trong năm		Tại ngày 01/01/2022	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	141.297.715	-	-	-	141.297.715
Thuế thu nhập cá nhân	-	6.817.090	27.811.060	20.703.110	290.860	-
Phí, lệ phí và các loại thuế khác	360.000	-	3.000.000	3.000.000	360.000	-
Cộng	360.000	148.114.805	30.811.060	23.703.110	650.860	141.297.715

(Xem trang tiếp theo)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	1.627.054.897	136.320.773.474
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.726.034.684	4.524.182.613
Cộng	6.353.089.581	140.844.956.087

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Vốn chủ sở hữu****4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 01/01/2021	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	45.333.608.304	2.409.121.366	203.233.970.144	1.017.576.938.770
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	49.274.364.680	49.274.364.680
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.447.043.722)	(1.447.043.722)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.869.244.531	-	(3.869.244.531)	-
Trích Thủ lao HQQT và Ban KS 2021	-	-	-	-	280.648.568	(280.648.568)	-
Chi thù lao HQQT và Ban KS 2020	-	-	-	-	(105.000.000)	-	(105.000.000)
Tại ngày 01/01/2022	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	49.202.852.835	2.584.769.934	246.911.398.003	1.065.399.259.728
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(127.659.800.686)	(127.659.800.686)
Chi thù lao HQQT và Ban KS 2021	-	-	-	-	(78.000.000)	-	(78.000.000)
Tại ngày 31/12/2022	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	49.202.852.835	2.506.769.934	119.251.597.317	937.661.459.042

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	292.202.130.000	292.202.130.000
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	118.632.890.000	118.632.890.000
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	78.999.520.000	78.999.520.000
Bà Nguyễn Thanh Loan	62.443.780.000	62.443.780.000
Cổ đông khác	62.077.720.000	62.077.720.000
Cộng	614.356.040.000	614.356.040.000

4.14.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(804.620)	(804.620)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	60.630.984	60.630.984

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

4.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Ngoại tệ các loại:		
USD	6.040,31	124.741,39

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa nội địa	40.388.307.015	291.501.928.682
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa xuất khẩu	57.543.704.746	95.100.831.442
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.114.280.479	6.121.047.376
Doanh thu các lĩnh vực khác	-	68.317.922
Cộng	<u>100.046.292.240</u>	<u>392.792.125.422</u>

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 7 12.234.642.911 285.801.020.980

Nguyên nhân giảm doanh thu năm nay so với năm trước được thuyết minh tại Mục 1.4.

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa nội địa	37.431.252.864	287.373.321.325
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa xuất khẩu	35.282.077.213	76.125.134.256
Giá vốn cung cấp dịch vụ	257.171.586	3.087.199.032
Giá vốn các lĩnh vực khác	-	62.387.700
Cộng	<u>72.970.501.663</u>	<u>366.648.042.313</u>

Giá vốn hàng bán giảm do doanh thu của năm nay giảm như thuyết minh tại Mục 1.4.

5.3. Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	326.217.585	1.661.382.527
Dự phòng / (Hoàn nhập) giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	146.372.043.273	(26.201.534.119)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	222.360.611	146.818.420
Cộng	<u>146.920.621.469</u>	<u>(24.393.333.172)</u>

(*) Là khoản dự phòng giảm giá vào các công ty con như được thuyết minh tại Mục 4.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.4. Chi phí bán hàng**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	585.809.838	-
Chi phí quảng cáo	59.600.000	229.354.169
Chi phí vận chuyển và phí cho hàng xuất khẩu	525.487.519	212.315.743
Khác	50.000.000	136.627.355
Cộng	1.220.897.357	578.297.267

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên (*)	2.772.690.941	257.559.900
Chi phí khấu hao tài sản cố định	210.341.875	285.744.133
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	414.172.019	(631.550.625)
Khác	1.568.297.310	1.906.976.632
Cộng	4.965.502.145	1.818.730.040

(*) Chi phí nhân viên tăng chủ yếu là do số lượng nhân viên tăng từ 1 lên 58 nhân viên trong năm 2022.

5.6. Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập từ tiền bồi thường của khách hàng do hủy hợp đồng	1.353.000.000	1.725.249.725
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	26.554.520	360.993.559
Thu nhập khác	45.454.545	10.745.230
Cộng	1.425.009.065	2.096.988.514

5.7. Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định không hoạt động	3.342.721.974	1.229.758.641
Các chi phí khác	25.101.167	59.442.885
Cộng	3.367.823.141	1.289.201.526

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.777.690.459	33.089.292.467
Chi phí nhân công	3.508.518.679	945.319.050
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.522.399.381	4.726.018.045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	708.877.762	1.770.932.111
Chi phí khác bằng tiền	2.032.469.329	1.412.053.362
Cộng	26.549.955.610	41.943.615.035

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	(127.659.800.686)	49.274.364.680
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	3.581.804.696	1.459.031.952
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(116.040.881)	(631.550.625)
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	-	(50.101.846.007)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	(124.194.036.871)	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(360.489.904)	(67.913.165.999)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|---|--|
| 1. Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc | Công ty con |
| 2. Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc | Công ty con |
| 3. Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức | Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể |
| 4. Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL | Công ty thuộc sở hữu của bên liên quan |
| 5. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	595.375.650	140.685.387.094
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	647.438.478	647.438.478
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	239.206.800	4.347.408.962
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch	-	3.018.000.000
Cộng – Xem thêm Mục 4.3	1.482.020.928	148.698.234.534
Phải thu ngắn hạn khác – cho mượn tiền:		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	23.309.797.500	128.606.378.121
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	948.102.080	948.102.080
Cộng – Xem thêm Mục 4.4	24.257.899.580	129.554.480.201
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	(4.504.014.149)	(106.498.115.105)
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	(2.338.110.692)	(759.862.060)
Cộng – Xem thêm Mục 4.10	(6.842.124.841)	(107.257.977.165)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải trả ngắn hạn khác – tạm ứng chi phí hoạt động:		
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	(1.627.054.897)	(1.627.054.897)
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	-	(46.003.369.783)
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch	-	(88.690.348.794)
Cộng – Xem thêm Mục 4.13	(1.627.054.897)	(136.320.773.474)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	12.014.475.471	164.014.199.769
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	220.167.440	121.786.821.211
Cộng – Xem thêm Mục 5.1	12.234.642.911	285.801.020.980

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	119.568.499.248	169.858.062.201
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	-	1.193.624.127
Cộng	119.568.499.248	171.051.686.328

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
--	-----------------	-----------------

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch:

Trả tiền vay	89.050.838.698	21.909.510.096
--------------	----------------	----------------

Cam kết bảo lãnh:

Công ty đã dùng quyền sử dụng đất thuê với giá trị còn lại là 36.569.742.211 VND và tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 156.339.465 VND để thế chấp cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương – Xem thêm các Mục 4.7 và 4.9.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	63.763.400	151.015.400
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	79.545.800	30.000.000
Bà Nguyễn Thanh Dung	313.311.500	20.000.000
Bà Nguyễn Thanh Loan	-	33.164.500
Bà Đản Thị Bích Thúy	24.000.000	-
Ông Võ Thanh Lâm	18.000.000	-
Các thành viên quản lý chủ chốt khác	-	6.000.000
Cộng	498.620.700	240.179.900

8. THU NHẬP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Trong năm, Công ty không chi trả thù lao cho Ủy ban kiểm toán.

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Phê duyệt
Nguyễn Thanh Dung

Phó Tổng Giám đốc

(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2021/DTL-NQHĐQT
ngày 4 tháng 11 năm 2021)

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Người lập

Lê Ngọc Khang

Người lập kiêm Kế toán trưởng